TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ- ST
Ngày 14/01/2022
"*V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Ngọc Biên

2. Bà Đinh Thị Thu Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 14/01/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 139/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M, sinh năm 1995; nơi ĐKHK: Thôn Đ, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang; nơi ở: Thôn Đ, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Phạm Thị M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q đăng ký kết hôn năm 2013, trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Sau khi

kết hôn chị về nhà anh Q làm dâu ngay. Vợ chồng có thời gian dài hòa thuận và hạnh phúc và đã có 02 con chung.

Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2018, nguyên nhân do anh Q thường xuyên rượu chè, chơi bời, nợ nần, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không tìm được tiếng nói chung. Chị đã khuyên bảo anh Q nhiều lần nhưng anh Q không thay đổi, gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Q cũng không thay đổi. Do không chịu đựng được cuộc sống chung như vậy nên chị đã về nhà đẻ ở từ năm 2018 cho đến nay. Thời gian chị về nhà đẻ ở thì anh Q có qua lại hỏi thăm mẹ con chị, chị đã cho anh Quân nhiều cơ hội để thay đổi nhưng anh Q không nghe. Gia đình hai bên cũng không dàn xếp gì cho vợ chồng chị về đoàn tụ. Anh chị ly thân từ đó cho đến nay, nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thế H, sinh ngày 04/6/2014 và Nguyễn Đức C, sinh ngày 11/11/2015. Hiện nay cả hai con chung đang ở với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và chị tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Nếu anh Q có nguyện vọng được nuôi con chung thì chị đề nghị theo nguyện vọng của con chung.

- Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Anh chị không có tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Q, nhưng anh Q không có ý kiến gì và không đến Tòa án để làm việc.

Tại phiên tòa hôm nay, chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Q vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại Tòa án không có lý do, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều

271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị M trực tiếp nuôi hai con chung là Nguyễn Thế H, sinh ngày 04/6/2014 và Nguyễn Đức C, sinh ngày 11/11/2015.

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn là chị Phạm Thị M đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn Q có địa chỉ cư trú tại huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Phạm Thị M có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Q nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[4] Về nội dung:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Yên Dũng vào ngày 22/11/2013. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh Q là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay, vợ chồng có thời gian dài hòa thuận và hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2018, nguyên nhân mâu thuẫn theo phía chị M là do anh Q thường xuyên rượu chè, chơi bời, nợ nần, từ đó vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn và không tìm được tiếng nói chung. Chị đã khuyên bảo anh Q nhiều lần nhưng anh Q không thay đổi, gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Q cũng không thay đổi. Do không chịu đựng được cuộc sống chung như vậy nên chị đã về nhà đẻ ở từ năm 2018 cho đến nay. Thời gian chị về nhà đẻ ở thì anh Q có qua lại hỏi thăm mẹ con chị, chị đã cho anh Q nhiều cơ hội để thay đổi nhưng anh Q không nghe. Gia đình hai bên cũng không dàn xếp gì cho vợ chồng chị về đoàn tụ, anh Q không có tác động gì để vợ chồng về đoàn tụ.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, ông Ngô Quang L – trưởng thôn Đ cho biết: Chị M và anh Q phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q chơi bời cờ bạc, nợ nần nhiều, không có công việc ổn định. Nay chị M xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Văn N là bố đẻ của anh Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn N cho biết: Anh Q và chị M xảy ra mâu thuẫn gì ông không được biết, năm 2018, anh Q và chị M có thông báo là anh Q chơi bời cơ bạc nợ nần nhiều, ông đã phải trả nợ cho anh Q số tiền 160.000.000 đồng. Nay chị M xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị M và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị M được ly hôn với anh Q là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Chị M và anh Q có một con chung là Nguyễn Thế H, sinh ngày 04/6/2014 và Nguyễn Đức C, sinh ngày 11/11/2015. Hiện nay con chung đang ở với chị M, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Vợ chồng ly hôn, chị M đề nghị được tiếp tục nuôi con chung vì hiện nay anh Q thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Do vậy, cần giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình; sau khi vợ chồng ly hôn anh Q được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 luật hôn nhân gia đình.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị M không yêu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.4] Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Chị M không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị M trực tiếp nuôi hai con chung là Nguyễn Thế H, sinh ngày 04/6/2014 và Nguyễn Đức C, sinh ngày 11/11/2015.

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Q có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2019/0000238 ngày 12/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận chị Phạm Thị M đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Trí Yên, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Ngọc Oanh